

**Immigration New Zealand**  
**Ho Chi Minh City Branch**  
New Zealand Consulate General  
Metropolitan Building  
235 Dong Khoi, District 1  
Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (848) 3827 2745  
Email: hochiminhcity@dol.govt.nz



## **NEW ZEALAND VISITOR VISA APPLICATION CHECKLIST**

A minimum of three (3) weeks is required to process a Visitor Visa application. However your application may take longer than this. The actual processing time will depend on a number of factors:

- The quality, quantity and strength of the information you provide at the time you lodge your application;
- The complexity and circumstances of your individual application;
- The volume of work on hand in the branch.

Please note that December to March is our peak season, and applications lodged during this time take significantly longer to process.

**Thời gian tối thiểu để đánh giá hồ sơ xin thị thực du lịch là 3 tuần. Tuy nhiên, thời gian xét hồ sơ của quý vị có thể dài hơn hoặc ngắn hơn. Thời gian đánh giá một hồ sơ phụ thuộc vào các yếu tố sau:**

- **Số lượng, chất lượng và mức độ thuyết phục của thông tin mà quý vị cung cấp vào thời điểm nộp hồ sơ;**
- **Mức độ phức tạp và hoàn cảnh của mỗi hồ sơ**
- **Khối lượng công việc của văn phòng chúng tôi. Thời gian từ tháng 12 đến tháng 3 là thời điểm cao điểm của văn phòng chúng tôi, nên hồ sơ nộp vào thời điểm này sẽ có thời gian xét duyệt lâu hơn.**

All documents not in English **must** be accompanied with an English translation from an independent and recognised translation company.

**Tất cả giấy tờ bằng tiếng Việt hoặc các thứ tiếng khác phải nộp kèm bản dịch tiếng Anh, và bản dịch tiếng Anh này phải được thực hiện bởi một công ty/tổ chức độc lập có thẩm quyền dịch thuật.**

The following documents must be submitted at the time you lodge your Visitor Visa application with us -

**Các giấy tờ sau đây được yêu cầu đối với cá nhân sử dụng hộ chiếu phổ thông khi nộp hồ sơ xin cấp Thị thực du lịch:**

**Please note for all applications received on and after 21 November 2011:**

It is extremely important that you provide as much of the information requested below as possible. We may make a decision on your application based only on the information you initially provide with your application. We are not obliged to request any further information or comment from you if your application does not meet our immigration instructions.

**Vui lòng lưu ý đối với những hồ sơ nhận vào ngày 21 tháng Mười Một 2011 và sau ngày 21 tháng Mười Một 2011:**

Việc quý vị nộp đầy đủ thông tin được yêu cầu bên dưới là điều tối quan trọng. Chúng tôi có thể sẽ chỉ quyết định hồ sơ của quý vị dựa trên thông tin mà quý vị cung cấp ban đầu. Chúng tôi không có nghĩa vụ yêu cầu quý vị bổ túc thêm giấy tờ hoặc cho cơ hội giải thích những vấn đề trong hồ sơ nếu hồ sơ của quý vị không đáp ứng được yêu cầu của chính sách di trú.

<p><b>1. Passport</b> Your valid passport or travel document is required. It must have a minimum of 3 months time past the date you plan to leave New Zealand.</p>	<p><b>1. Hộ chiếu</b> Hộ chiếu hoặc giấy thông hành còn giá trị sử dụng được yêu cầu nộp kèm hồ sơ. Hộ chiếu hoặc giấy thông hành phải còn giá trị ít nhất ba tháng trước ngày quý vị dự định rời khỏi New Zealand.</p>
<p><b>2. Application Form</b> You must fully complete and sign the "Application for Visiting New Zealand" form (INZ 1017). Download the latest version from our website: <a href="http://www.immigration.govt.nz">www.immigration.govt.nz</a></p> <p>If you answered YES to question A12, then this application will be assessed under the partnership policy and you will need to provide evidence that demonstrates that you are living in a genuine and stable relationship. Please use the partnership checklist to assist you with completing your application.</p>	<p><b>2. Đơn xin thị thực</b> Quý vị phải điền đầy đủ và ký vào mẫu đơn "Application for Visiting New Zealand" (INZ 1017). Quý vị có thể tải mẫu đơn mới nhất từ trang web: <a href="http://www.immigration.govt.nz">www.immigration.govt.nz</a></p> <p>Nếu quý vị trả lời CÓ cho câu hỏi A12, thì hồ sơ của quý vị sẽ được đánh giá dựa trên mối quan hệ vợ chồng/ hoặc sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn với người bảo lãnh, quý vị cần phải nộp bằng chứng chứng minh là quý vị đang sống chung với người bảo lãnh trong một mối quan hệ có thực và bền vững. Vui lòng sử dụng Hướng dẫn xin Thị thực dựa trên Mối quan hệ vợ chồng/ hoặc sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn với người bảo lãnh để hoàn tất hồ sơ của quý vị.</p>
<p><b>3. Photographs</b> The form must include <b>TWO</b> recent passport photos of the applicant.</p>	<p><b>3. Ảnh</b> Đơn phải được kèm <b>HAI</b> tấm ảnh mới của người xin thị thực.</p>
<p><b>4. Application Fee</b> There is fee to process your visa application. The fee is non-refundable, regardless of the outcome.</p> <p>The current fee is <b>USD 130.00</b> per application.</p> <p>You <b>CANNOT</b> pay the fee in cash. We only accept payment by bank draft/cheque or a bank deposit. Please refer to the last pages of the checklist for further details about how you can pay the application fee.</p>	<p><b>4. Lệ phí</b> Lệ phí thị thực là lệ phí xét hồ sơ. Lệ phí này không được hoàn lại cho dù kết quả hồ sơ là như thế nào.</p> <p>Lệ phí hiện tại là <b>USD 130</b>/hồ sơ.</p> <p>Chúng tôi <b>không chấp nhận</b> việc trả lệ phí bằng tiền mặt. Chúng tôi chỉ có thể chấp việc thanh toán lệ phí bằng hối phiếu/cheque ngân hàng hoặc chuyển khoản. Vui lòng xem thông tin về cách thanh toán lệ phí ở cuối tờ hướng dẫn này.</p>
<p><b>5. Marriage &amp; Birth Certificates</b> A copy of Marriage Certificate is required <b>only</b> if your spouse is applying together with you.</p>	<p><b>5. Giấy đăng ký kết hôn và khai sinh</b> Bản sao giấy đăng ký kết hôn được yêu cầu trong trường hợp vợ/ chồng quý vị</p>

<p>A copy of your children's Birth certificates are required <b>only</b> if your children are applying with you.</p>	<p>xin visa cùng quý vị.  Bản sao giấy khai sinh của con chỉ được yêu cầu trong trường hợp con cùng xin visa với quý vị</p>
<p><b>6. Family Registration Book &amp; identity card</b> A certified copy of your full Family Registration Book and identity card are required.</p>	<p><b>6. Hộ khẩu và chứng minh nhân dân</b> Bản sao nguyên cuốn hộ khẩu và chứng minh nhân dân có chứng thực bởi chính quyền địa phương được yêu cầu nộp kèm theo đơn.</p>
<p><b>7. Family Questionnaire</b> Please complete and sign the attached "Supplementary Questionnaire" that lists your family.  You must declare <b>ALL</b> your family, whether in Vietnam, in New Zealand or overseas.</p>	<p><b>7. Tờ khai gia đình</b> Vui lòng khai đầy đủ vào tờ khai gia đình "Supplementary Questionnaire" đính kèm.  Quý vị phải khai <b>TẤT CẢ</b> người thân trong gia đình quý vị cho dù họ ở Việt Nam, New Zealand hoặc bất cứ nước nào, kể cả những người đã qua đời.</p>
<p><b>8. Curriculum Vitae</b> Curriculum Vitae authorized by your local authority.</p>	<p><b>8. Sơ yếu lý lịch</b> Sơ yếu lý lịch được xác nhận bởi chính quyền địa phương.</p>
<p><b>9. Evidence of Funds</b> Provide evidence that you or your family have sufficient funds to support yourself while in New Zealand.  As a guide, this should be approximately USD 750 (NZD 1000) per month.  <b>Evidence of sufficient funds could be:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• A fully completed "Sponsorship Form" (INZ 1025) by a New Zealand citizen or resident ;</li> <li>• Bank account/s showing a regular savings history. <u>Note:</u> any newly opened account or recent large deposit must be explained, with supporting evidence as to where the money has come from;</li> <li>• Evidence of a regular salary or wage being paid to you;</li> <li>• Other accessible and readily available funds that belong to you.</li> </ul>	<p><b>9. Bằng chứng về tài chính</b> Cung cấp bằng chứng chứng minh là quý vị hoặc gia đình có đủ khả năng tài chính để chi trả trong thời gian quý vị ở New Zealand. Số tiền này trung bình khoảng 750 đô la Mỹ (1,000 đô la New Zealand) mỗi tháng – thông tin trên chỉ có tính chất tham khảo.  <b>Bằng chứng tài chính có thể bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đơn bảo lãnh "Sponsorship Form" (mẫu INZ 1025) của công dân hoặc người được định cư tại New Zealand.</li> <li>• Tài khoản ngân hàng thể hiện chi tiết quá trình gửi tiền tiết kiệm. <u>Ghi chú:</u> Phải giải thích về tài khoản hoặc số tiền lớn mới gửi ngân hàng gần đây bằng cách chứng minh xuất xứ của số tiền.</li> <li>• Bằng chứng về tiền lương quý vị được trả định kỳ.</li> <li>• Bằng chứng về các khoản tài chính khác quý vị hiện đang có.</li> </ul>
<p><b>10. Evidence of the relationship between applicant and the person you wish to visit in New Zealand (a) Visit relative or friend.</b> If you intend to visit a relative or friend in New Zealand, relevant documents to substantiate the relationship between you and the person you intend to visit are required.</p>	<p><b>9. Bằng chứng về mối quan hệ giữa người ở New Zealand và đương đơn.</b> <b>(a) Thăm thân nhân hoặc bạn bè</b> Trong trường hợp quý vị dự định thăm viếng người thân hoặc bạn bè tại New Zealand, các giấy tờ hộ tịch hợp pháp sẽ được yêu cầu để chứng minh mối quan</p>

**(b) Romantic Relationship**

If your application is based on your romantic relationship with your sponsor and this is the basis of your visit to NZ, please continue using this visitor visa application checklist and provide as much evidence you can to demonstrate the relationship between you and your sponsor.

The responsibility rests with you to satisfy us that you are living in a genuine and stable relationship with your partner. You should provide as much documentation as you can that substantiates your relationship.

This could include, but is not limited to, the following *suggestions*:

- A letter which outlines the background and nature of your relationship (when, where and how it was started and developed; how the relationship has been maintained etc) so that we can have a better picture and understanding of your partnership.
- Evidence of contact between you, such as letters, emails and phone contact. Please note - phone cards and plastic calling cards are of no value unless they are accompanied by a printout showing the date/time and numbers called.
- Evidence of actually living together in a common place of residence such as temporary residence registration, letters/bills sent to the same address, joint tenancy agreement, joint mortgage etc.
- Evidence of time spent together during holiday or travel such as air tickets, photographs, boarding passes, invoices, receipts etc.
- Evidence of financial support of each other such as money transfer receipts, joint accounts etc.
- Evidence of joint purchases, joint assets, joint ownership.
- Evidence of legal documentation that acknowledges each other – eg. Wills, Power of Attorney, Life Insurance showing beneficiary.

hệ giữa quý vị và người thân, các bằng chứng về mối quan hệ khác sẽ được yêu cầu để chứng minh mối quan hệ giữa quý vị và bạn bè.

**(b) Bảo lãnh bởi người phối ngẫu/hôn phu/hôn thê/ bạn trai/bạn gái**

Nếu hồ sơ của quý vị chỉ dựa trên mối quan hệ tình cảm với người bảo lãnh và đây là cơ sở cho mục đích xin nhập cảnh vào New Zealand của quý vị thì quý vị vui lòng sử dụng hướng dẫn Thị thực Du lịch Du lịch phổ thông này để chuẩn bị hồ sơ và nộp càng nhiều bằng chứng về mối quan hệ với người bảo lãnh càng tốt.

Việc thuyết phục chúng tôi về tính chân thật và bền vững trong mối quan hệ của quý vị là trách nhiệm của quý vị. Quý vị nên nộp càng nhiều thông tin, giấy tờ càng tốt để chứng minh mối quan hệ này.

Bằng chứng này có thể bao gồm (nhưng không giới hạn ở những gợi ý sau):

- Thư tường trình nói rõ bối cảnh diễn ra mối quan hệ và bản chất của mối quan hệ (mối quan hệ bắt đầu khi nào, ở đâu, và phát triển như thế nào; mối quan hệ được duy trì như thế nào, v.v) để chúng tôi có thể hình dung rõ về mối quan hệ của quý vị.
- Bằng chứng về việc liên lạc giữa hai bên như là thư từ, email, điện thoại. Xin lưu ý: hóa đơn điện thoại và thẻ điện thoại không có giá trị trừ khi có bảng chi tiết của cuộc gọi đính kèm thể hiện ngày/giờ và số gọi.
- Bằng chứng của việc sống chung một nơi ví dụ như giấy tờ đăng ký tạm trú, thư/hóa đơn gửi đến cùng một địa chỉ, hợp đồng thuê nhà chung, hợp đồng vay có thể chấp đứng tên chung, v.v
- Bằng chứng của việc dành thời gian cho nhau trong những kỳ nghỉ hoặc đi du lịch bao gồm vé máy bay, hình ảnh, thẻ lên máy bay, biên nhận, hóa đơn, v.v
- Bằng chứng về việc hỗ trợ lẫn nhau về mặt tài chính như giấy tờ chuyển tiền, tài khoản ngân hàng chung, v.v
- Bằng chứng của việc sở hữu tài sản chung, hoặc sở hữu chung, v.v
- Giấy tờ hợp pháp chứng nhận việc cả hai công nhận người kia là vợ/ chồng mình, ví dụ: di chúc, hợp đồng bảo hiểm thể hiện tên người thụ hưởng.

<ul style="list-style-type: none"> <li>• Photographs of you both together, or together with family and friends.</li> </ul> <p>If your intention to stay in NZ is longer than 6 months, please refer to number 13 and 14 of this checklist for medical certificate and police clearance certificate required.</p> <p>A fully completed "Form for Partner-Supporting Partnership Based Temporary Applications" (INZ1146) by your supporting partner may also be requested. Download the latest version from our website <a href="http://www.immigration.govt.nz">www.immigration.govt.nz</a></p> <p>In accordance with his/her marital status, the applicant must provide:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Certificate of Single status, or</li> <li>• Marriage Certificate, plus</li> <li>• Divorce documents, if previously married</li> <li>• Documents regarding the custody of any children from the current or previous relationships.</li> </ul> <p>The New Zealand partner must provide:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• If intending to marry, provide a Certificate of No Impediment to Marriage or Certificate of Search (see notes below).</li> <li>• Divorce documents, if previously married</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hình của cả hai chụp cùng nhau hoặc chụp cùng gia đình.</li> </ul> <p>Nếu quý vị dự định ở New Zealand trên 6 tháng, vui lòng xem mục 13 và 14 của tờ hướng dẫn này về việc nộp hồ sơ sức khỏe và lý lịch tư pháp.</p> <p>Mẫu đơn bảo lãnh "Form for Partner-Supporting Partnership Based Temporary Applications" (INZ1146) từ phía người bảo lãnh có thể cũng được yêu cầu. Tải mẫu mới nhất từ trang web <a href="http://www.immigration.govt.nz">www.immigration.govt.nz</a></p> <p>Tùy theo tình trạng hôn nhân của mình mà quý vị phải cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giấy chứng nhận độc thân, hoặc</li> <li>▪ Giấy đăng ký kết hôn, và</li> <li>▪ Quyết định thuận tình ly hôn nếu trước đây quý vị đã kết hôn</li> </ul> <p>Quyết định chứng minh quyền nuôi con từ mỗi quan hệ hiện tại hoặc mỗi quan hệ trước đây.</p> <p>Người bảo lãnh ở New Zealand phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nếu dự định đám cưới, cung cấp Certificate of No Impediment to Marriage hoặc Certificate of Search (xem thêm thông tin bên dưới)</li> <li>▪ Nếu trước đây đã ly hôn thì nộp quyết định thuận tình ly hôn</li> </ul>
<p><b>11. Commitments in Vietnam</b></p> <p>We assess your social, financial and employment ties to Vietnam, to help us decide whether you have strong reasons to return to Vietnam at the end of your stay in New Zealand.</p> <p>We recommend that you provide us with documents that show you have commitments to return to. They could include (but are not limited to) evidence that you personally:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Have social and/or family responsibilities in Vietnam;</li> <li>• Are employed in Vietnam;</li> <li>• Own a business in Vietnam;</li> <li>• Have funds in Vietnam;</li> <li>• Own property or assets in Vietnam.</li> </ul>	<p><b>11. Các ràng buộc tại Việt Nam:</b></p> <p>Chúng tôi xem xét các ràng buộc về mặt xã hội, tài chính và việc làm của quý vị tại Việt Nam để đánh giá liệu quý vị có ràng buộc vững chắc để trở về Việt Nam khi hết hạn thị thực ở New Zealand hay không.</p> <p>Đề nghị quý vị cung cấp các bằng chứng chứng minh các mối ràng buộc để trở về Việt Nam. Các bằng chứng này có thể bao gồm (nhưng không chỉ giới hạn là) bằng chứng là cá nhân quý vị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Có trách nhiệm về mặt xã hội và / hoặc gia đình tại Việt Nam.</li> <li>• Có công việc làm tại Việt Nam.</li> <li>• Có cơ sở kinh doanh tại Việt Nam.</li> <li>• Có tài chính tại Việt Nam.</li> <li>• Sở hữu nhà cửa, đất đai hoặc các tài sản có giá trị lớn tại Việt Nam</li> </ul>
<p><b>12. Medical Certificate</b></p> <p>Applicants must have an acceptable standard of health.</p>	<p><b>12. Phiếu khám sức khỏe</b></p> <p>Các đương đơn xin thị thực ngắn hạn đều được yêu cầu phải có tình trạng sức</p>

<p>Applicants intending to spend <b>more than 12 months</b> in New Zealand are required to supply a full Medical Certificate and chest X-Ray Certificate (INZ 1007).</p> <p>Applicants intending to be in New Zealand for <b>more than 6 months but less than 12 months</b> have to undergo TB screening and provide an X-Ray Certificate (INZ 1096).</p> <p>Pregnant women and children below the age of 11 years are <b>not</b> required to have an x-ray.</p> <p>Panel Doctors are listed on our website <a href="http://www.immigration.govt.nz">www.immigration.govt.nz</a></p>	<p>khỏe tốt.</p> <p>Đối với trường hợp dự định ở New Zealand <b>trên 12 tháng</b>, quý vị phải khám sức khỏe tổng quát và chụp hình phổi (mẫu đơn INZ 1007) tại các phòng khám được Sở Di trú New Zealand chỉ định.</p> <p>Đối với trường hợp dự định ở New Zealand <b>trên 6 tháng nhưng dưới 12 tháng</b>, quý vị phải chụp hình phổi và khám lao (mẫu đơn INZ 1096).</p> <p>Phụ nữ mang thai và trẻ em dưới 11 tuổi không cần phải chụp hình phổi.</p> <p>Địa chỉ phòng khám được chỉ định có thể tham khảo trên trang web <a href="http://www.immigration.govt.nz">www.immigration.govt.nz</a></p>
<p><b>13. Police Certificates</b></p> <p>Applicants over 17 years of age, who are intending to remain in New Zealand for more than 24 months, are required to provide an original Police Certificate from Vietnam and any other country they have lived in for five years or more since turning 17.</p> <p>A Vietnamese Police Certificate must be issued by the Service of Justice of the city or province where your permanent residence is registered.</p>	<p><b>13. Lý lịch tư pháp</b></p> <p>Tất cả những đương đơn trên 17 tuổi và dự định ở New Zealand trên 24 tháng phải nộp Lý lịch Tư pháp được cấp bởi quốc gia mà quý vị mang quốc tịch, và Lý lịch Tư pháp bởi quốc gia mà quý vị đã ở trong thời gian 5 năm trở lên kể từ khi quý vị 17 tuổi. Xin lưu ý rằng Lý lịch Tư pháp phải được cấp bởi Sở Tư pháp của tỉnh, thành phố mà quý vị đăng ký hộ khẩu thường trú.</p>
<p><b>14. Letter of Leave</b></p> <p>If you are employed, please provide an original letter of leave from your employer on your company letterhead.</p> <p>The company address and phone number must be included in the letter.</p>	<p><b>14. Giấy nghỉ phép.</b></p> <p>Nếu quý vị đang làm việc, cung cấp giấy nghỉ phép bản gốc được viết trên giấy có tiêu đề của đơn vị công tác và có xác nhận của thủ trưởng đơn vị. Trên giấy tiêu đề phải có tên và số điện thoại của công ty.</p>
<p><b>15. Airline Booking</b></p> <p>Please provide us with a copy of any flights you have booked.</p> <p>We recommend that you do NOT buy your tickets before your visa application has been decided.</p>	<p><b>15. Xác nhận đặt chỗ</b></p> <p>Xác nhận đặt chỗ được yêu cầu nộp kèm theo đơn. Xin lưu ý: chúng tôi yêu cầu quý vị <b>KHÔNG</b> nên mua vé máy bay trước khi hồ sơ được chấp thuận cấp visa.</p>

## IMPORTANT NOTES:

### Lưu ý quan trọng:

- Unless specified on this checklist, please do NOT send us original documents, as these will not be returned to you.

**Ngoại trừ những trường hợp được yêu cầu trong tờ hướng dẫn này, quý vị vui lòng KHÔNG nộp bản gốc giấy tờ vì những giấy tờ này sẽ không được trả lại.**

- Provide us instead with certified true copies of the original documents.  
**Thay vì nộp bản gốc giấy tờ, quý vị nên nộp bản sao có chứng thực.**
- Documents not in English must be accompanied with an English translation from an independent and recognised translation company.  
**Giấy tờ bằng tiếng Việt hoặc các thứ tiếng khác phải nộp kèm bản dịch tiếng Anh, và bản dịch tiếng Anh này phải được thực hiện bởi một công ty/ tổ chức độc lập có thẩm quyền dịch thuật.**
- Information regarding the "Certificate of No Impediment to Marriage" form is available from the New Zealand Department of Internal Affairs (DIA) website. "Certificate of No Impediment to Marriage" is issued for New Zealand citizen. "Certificate of Search" is issued for other nationals living in New Zealand. Here is the link - <http://www.dia.govt.nz/Services-Births-Deaths-and-Marriages-Index>
- **Thông tin về mẫu đơn xin "Certificate of No Impediment to Marriage" có trên trang web của Bộ Nội vụ New Zealand - New Zealand Department of Internal Affairs (DIA).** "Certificate of No Impediment to Marriage" được cấp cho công dân New Zealand. "Certificate of Search" được cấp cho công dân các nước khác sinh sống tại New Zealand. Địa chỉ đường dẫn <http://www.dia.govt.nz/Services-Births-Deaths-and-Marriages-Index>
- Please note that your Immigration Officer may ask you to supply additional documents to those listed above, to assist in deciding your application, and/or to attend an interview with us.

**Xin lưu ý là để quyết định hồ sơ của quý vị, đôi khi nhân viên xét hồ sơ của quý vị có thể yêu cầu bổ sung thêm các giấy tờ không có trong danh sách nêu trên.**

- Providing the information above does not guarantee your visa will be approved. All applications are subject to an assessment which includes looking at your reasons for travelling to New Zealand, and whether or not you will abide by the conditions of any visa that may be granted to you.  
**Việc cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu không bảo đảm là hồ sơ của quý vị được chấp thuận. Tất cả các hồ sơ đều được đánh giá về lý do xin thị thực, và về khả năng tuân thủ những ràng buộc của loại thị thực mà chúng tôi có thể cấp cho quý vị**
- If you withhold relevant information, or provide false or misleading information to us, your application will most likely be declined.  
**Nếu quý vị che giấu thông tin, hoặc cung cấp thông tin không trung thực, hồ sơ của quý vị rất có thể sẽ bị từ chối.**

## **VISA FEES – METHODS OF PAYMENT**

### **CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN LỆ PHÍ THỊ THỰC**

- All applications require a fee to be paid, unless specifically stated as being exempt from a fee.  
**Trừ trường hợp được miễn phí, tất cả các loại hồ sơ xin thị thực đều phải nộp kèm lệ phí xét hồ sơ.**
- The fee must accompany the application at the time it is lodged.  
**Lệ phí thị thực phải được thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ.**
- The fee is a processing fee that covers the costs of handling and assessing the application. It is non-refundable, regardless of the outcome of the application.  
**Lệ phí thị thực là lệ phí xét hồ sơ. Lệ phí này không được hoàn lại cho dù kết quả hồ sơ là như thế nào.**
- Please go to our website [www.immigration.govt.nz](http://www.immigration.govt.nz) to find out how much the current application fee is. Once in the main home page, click on the FEES link on the right hand side of the screen.  
**Vui lòng kiểm tra trang web [www.immigration.govt.nz](http://www.immigration.govt.nz) để biết mức phí hiện tại cho loại hồ sơ thị thực quý vị muốn nộp là bao nhiêu. Một khi vào trang chủ, nhấn vào từ FEES bên phải màn hình.**
- Spouses and dependent children (under 20 years) need only pay one fee provided that they are applying for the same type of visa, at the same time, on the same form and to the same office. Otherwise the fee stated is per application.  
**Vợ/chồng và con còn phụ thuộc cha mẹ (dưới 20 tuổi) chỉ cần trả một lệ phí miễn là cả vợ/chồng và con cùng xin một loại thị thực cùng một thời điểm, điền cùng một đơn, và cùng nộp hồ sơ tại một văn phòng. Trong mọi trường hợp khác lệ phí được tính trên từng hồ sơ.**

### **YOU CANNOT PAY BY THE FOLLOWING MEANS**

**Quý vị không thể đóng tiền bằng những phương thức sau đây**

<b>WE DO <u>NOT</u> ACCEPT</b>	<b>CHÚNG TÔI <u>KHÔNG</u> CHẤP NHẬN</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>Cash</li><li>Credit Card payments</li><li>Debit Cards payments</li><li>Personal cheques</li><li>Bank drafts issued by Sacombank, Vietnam through Citi Bank.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Tiền mặt</li><li>Thanh toán bằng thẻ tín dụng</li><li>Thanh toán bằng thẻ ghi nợ (debit card)</li><li>Cheque cá nhân</li><li>Hối phiếu phát hành bởi ngân hàng Sacombank, Việt Nam thông qua Citi Bank.</li></ul>

### **ACCEPTABLE METHODS OF PAYMENT**

**Những phương thức đóng tiền có thể chấp nhận được**

<b>CASH DEPOSIT (PREFERRED METHOD)</b>	<b>NỘP TIỀN MẶT (USD) VÀO TÀI KHOẢN (PHƯƠNG THỨC ĐƯỢC ƯA CHUỘNG)</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>You can go to any branch of ANZ Vietnam bank and arrange for cash <b>(USD)</b> to be deposited directly into our bank account. Our account details are: &gt; Account number = 3179176 <b>(USD)</b></li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Quý vị có thể đến bất cứ chi nhánh nào của ngân hàng ANZ tại Việt Nam và nộp tiền mặt <b>(USD)</b> vào tài khoản của chúng tôi. Thông tin tài khoản của chúng tôi là như sau:</li></ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Account name = NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE</li> <li>➢ Bank = ANZ Bank Vietnam, Ho Chi Minh City</li> <li>➢ SWIFT Code = ANZBVNX472</li> <li>• Address of branches of ANZ bank can be found on <a href="http://www.anz.com/vietnam">www.anz.com/vietnam</a></li> <li>• Please ensure your name is included on the deposit as a reference.</li> <li>• The original bank receipt must accompany the application.</li> <li>• Please ensure you pay the correct fee in <b>USD</b>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Số tài khoản = 3179176 (<b>USD</b>)</li> <li>➢ Tên tài khoản = NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE</li> <li>➢ Tại ngân hàng = ANZ Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh</li> <li>➢ Mã số SWIFT = ANZBVNX472</li> <li>• Địa chỉ của ngân hàng ANZ có thể tìm thấy tại trang web <a href="http://www.anz.com/vietnam">www.anz.com/vietnam</a></li> <li>• Vui lòng ghi tên của quý vị vào tờ khai chuyển tiền để chúng tôi có thể đối chiếu sau đó.</li> <li>• Bản gốc của biên lai chuyển tiền phải được nộp kèm với hồ sơ.</li> <li>• Quý vị phải bảo đảm mình đóng đúng số tiền bằng <b>dollar Mỹ</b>.</li> </ul>
---	--

BANK TRANSFER	CHUYỂN KHOẢN
<ul style="list-style-type: none"> <li>• You can go to your own bank or any bank and arrange for the fee to be paid (transferred) directly into our bank account. When making a payment by transfer from your bank, you should confirm with your bank that the money is converted to <b>USD</b> prior to it being transferred to our ANZ (<b>USD</b>) bank account.</li> <li>Our account details are: <ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Account number = 3179176 (<b>USD</b>)</li> <li>➢ Account name = NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE</li> <li>➢ Bank = ANZ Bank Vietnam, Ho Chi Minh City</li> <li>➢ SWIFT Code = ANZBVNX472</li> </ul> </li> <li>• Please ensure your name is included on the deposit as a reference.</li> <li>• A copy of the bank receipt must accompany the application.</li> <li>• Please ensure you pay the correct fee in <b>USD</b>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Quý vị có thể chuyển khoản lệ phí thị thực từ bất cứ ngân hàng nào đến tài khoản của chúng tôi. Khi chuyển khoản, quý vị phải bảo đảm là số tiền phải được quy đổi ra <b>dollar Mỹ</b> từ ngân hàng của quý vị trước tiền được chuyển đến tài khoản ngân hàng (<b>USD</b>) của chúng tôi tại ANZ. Thông tin tài khoản của chúng tôi là như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Số tài khoản = 3179176 (<b>USD</b>)</li> <li>➢ Tên tài khoản = NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE</li> <li>➢ Tại ngân hàng = ANZ Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh</li> <li>➢ Mã số SWIFT = ANZBVNX472</li> </ul> </li> <li>• Vui lòng ghi tên của quý vị vào tờ khai chuyển tiền để chúng tôi có thể đối chiếu sau đó.</li> <li>• Bản sao của biên lai chuyển tiền phải được nộp kèm với hồ sơ.</li> <li>• Quý vị phải bảo đảm mình đóng số tiền chính xác bằng <b>dollar Mỹ</b>.</li> </ul>

ANZ BANK (VN) CHEQUE	CHEQUE DO NGÂN HÀNG ANZ VIỆT NAM PHÁT HÀNH
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cheques issued by the <b>ANZ Bank in Vietnam</b> and drawn domestically on the ANZ Bank in Vietnam should be for the <b>exact</b> fee amount in <b>USD</b>.</li> <li>• Please make the cheque payable to the NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cheque phát hành bởi ngân hàng <b>ANZ tại Việt Nam</b>, không thông qua ngân hàng nước ngoài, phải có đúng mệnh giá được yêu cầu và <b>bằng dollar Mỹ</b>.</li> <li>• Tên người thụ hưởng hối phiếu là NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE.</li> </ul>

OTHER BANK DRAFTS	CÁC HỐI PHIẾU KHÁC
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Drafts either <b>issued</b> by any other bank either within Vietnam or overseas <b>OR</b> that are <b>drawn</b> on any other bank, must contain an <b>additional</b> USD 13.00 for <b>each</b> draft as the bank clearance fee.</li> <li>• United States dollars (<b>USD</b>) only.</li> <li>• Please make the draft payable to the NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các loại hối phiếu khác phát hành ở các ngân hàng khác tại Việt Nam hoặc phát hành thông qua các ngân hàng ở nước ngoài phải kèm <b>thêm</b> 13 dollar Mỹ trên mệnh giá mỗi tấm hối phiếu để làm phí dịch vụ ngân hàng.</li> <li>• Chỉ có thể chấp nhận <b>dollar Mỹ</b>.</li> <li>• Tên người thụ hưởng hối phiếu là NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE.</li> </ul>

**If you are unsure about the fee payment please contact our office by email at [hochiminhcity@dol.govt.nz](mailto:hochiminhcity@dol.govt.nz)**

**Nếu quý vị không chắc chắn về việc đóng lệ phí thị thực xin vui lòng liên lạc văn phòng chúng tôi qua email [hochiminhcity@dol.govt.nz](mailto:hochiminhcity@dol.govt.nz)**

